

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Kha

Ông Nguyễn Hồng Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐ-ST ngày 18/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị L, sinh ngày 12/6/1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/7/1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh N tại Việt Nam: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh N được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh N làm dâu và chung

sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn chị và anh N đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai anh, chị về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Tháng 3/2021 anh N đi lao động tại Đài Loan nhưng anh N không bàn bạc hay thông báo gì cho chị biết. Kể từ tháng 10/2019 đến nay anh, chị không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/8/2018. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H. Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao 01 con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Nguyễn Văn N là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

Tại biên bản làm việc ngày 15/11/2022 và 25/11/2022, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N cung cấp anh N hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Về hôn nhân của anh N, chị L ông, bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị L về nhà ông, bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh N đi lao động tại Đài Loan, sau khi anh N sang Đài Loan một thời gian thì anh N nói vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì ông, bà không rõ, ông, bà có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng không được. Hiện nay chị L đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/8/2018. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông bà. Tài sản chung của anh, chị không có. Ông H, bà H cho biết anh N vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh N không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh N tại Đài Loan. Ông bà từ chối tham gia tố tụng.

*Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Hoàng Thị L, Biên bản làm việc với bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L.

Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Do anh N hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/8/2018 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L khởi kiện xin ly hôn anh N và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn N, anh N hiện đang lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Sau khi thụ lý theo yêu cầu của chị L Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có công văn hỏi Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp về việc anh N xuất cảnh ra nước ngoài. Theo Công văn trả lời số: 23764/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/11/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh N xuất cảnh gần nhất ngày 26/3/2021, hiện chưa có thông tin nhập. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định anh N hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh N là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú

tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: chị Hoàng Thị L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị L.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, ông Hồng, bà Hạnh là bố mẹ đẻ anh N, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh N trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn Đám Trì, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh N thông qua ông H, bà H và đề nghị ông H, bà H thông báo cho anh N biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Hoàng Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Văn N. Ông H, bà H cho biết anh N vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh N không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh N tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2017 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị L với anh Nguyễn Văn N. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh N chung sống với nhau hòa thuận. Chung sống đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị L chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Tháng 3/2021 anh N đi lao động tại Đài Loan nhưng không thông báo hay bàn bạc với chị L. Chị L xác định kể từ 10/2019 vợ chồng không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Ông H, bà H là bố mẹ đẻ anh N cũng trình bày vợ chồng chị L, anh N có mâu thuẫn được ông bà khuyên bảo về chung sống nuôi con nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh N, chị L không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh N, xử cho chị L được ly hôn anh N.

[5]. Về nuôi con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/8/2018. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H và do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/11/2022 ông H, bà H thừa nhận ông, bà và anh N đã ngăn cản chị L thực hiện quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu An từ tháng 10/2019 đến nay mà chỉ cho chị L thăm nom con chung. Do đó, việc chị L không thực hiện quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An từ 2019 đến nay là do yếu tố khách quan. Hiện nay anh N đang lao động tại Đài Loan nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị L đang ở trong nước, có việc làm, có nơi cư trú rõ ràng, không thuộc đối tượng hạn chế quyền của cha mẹ với con chưa thành niên nên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Nguyễn Văn N về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc ông Hồng, bà Hạnh yêu cầu Tòa án giao cháu An cho ông, bà trực tiếp chăm sóc, Hội đồng xét xử thấy: Chị L không từ chối quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không thuộc đối tượng hạn chế quyền của cha mẹ với con chưa thành niên nên yêu cầu này của ông H, bà H là không có căn cứ chấp nhận.

Do ông H, bà H xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A từ khi anh N đi lao động tại Đài Loan vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của ông, bà đối với cháu A nên không đề nghị anh N, chị L phải trích trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An và các chi phí phát sinh khác trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An. Vì vậy, anh N, chị L không phải trích trả tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An và các chi phí phát sinh khác.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Chị Hoàng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

**2.** Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/8/2018 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

**3.** Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000671 ngày 25/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**4.** Về quyền kháng cáo bản án: Chị Hoàng Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**







